

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BOS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN QUẢN TRỊ	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	7 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	10 - 11
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	12 - 13
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	14
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	15 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN QUẢN TRỊ

Ban Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo và đã được Ban quản trị phê duyệt.

BAN QUẢN TRỊ

Ban quản trị Công ty bao gồm: Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong năm 2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Lê Thị Trúc Quỳnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thành Lê	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Cẩm	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thành Lê	Tổng Giám đốc
---------------------	---------------

Ban Kiểm soát

Ông Vũ Minh Tuấn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 10/04/2024
Bà Vũ Thị Hương	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 09/04/2024
Ông Nguyễn Đăng Vự	Thành viên	
Bà Bùi Thị Quỳnh Trang	Thành viên	

Kế toán trưởng

Bà Đào Thị Kim Ngân	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 16/12/2024
Bà Lê Thị Thương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 16/12/2024

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện pháp luật của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Lê Thị Trúc Quỳnh - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

CÁC SỰ KIỆN BẤT THƯỜNG

Ban Quản trị Công ty khẳng định rằng, ngoài các sự kiện được trình bày tại Thuyết minh số 37 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào khác có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo.

Các sự kiện quan trọng khác (nếu có) sẽ được Công ty công bố cập nhật bổ sung ngay khi các thông tin này có ảnh hưởng trọng yếu liên quan đến Báo cáo tài chính hoặc cần thiết cần phải công bố theo quy định.

BÁO CÁO CỦA BAN QUẢN TRỊ (TIẾP)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN QUẢN TRỊ

Ban Quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm 2024 và được Ban Quản trị phê duyệt. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Quản trị cam kết rằng Công ty đã tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Quản trị



Lê Thị Trúc Quỳnh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2025

Số: 50/2025/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11/02/2025, từ trang 7 đến trang 38, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Quản trị

Ban Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của việc đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong số dư khoản phải thu khác bao gồm khoản đặt cọc còn lại mua cổ phần của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Unicap từ các năm trước chuyển sang với giá trị 63,5 tỷ đồng và khoản tài sản thiếu chờ xử lý là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải (MSB) nhưng MSB tự động thu giữ từ năm 2022 và chưa giải thích đầy đủ nguyên nhân cho Công ty là 467.155.415.291 đồng. Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) và Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) đã có Nghị quyết về việc đánh giá khoản này chưa có khả năng thu hồi và thực hiện trích lập dự phòng 100% giá trị từ năm 2022. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này chúng tôi không thực hiện được việc xác nhận số dư đối với khoản phải thu này nên không đánh giá được tính hiện hữu của các khoản phải thu nêu trên tại ngày 01/01/2024 và 31/12/2024

Trong số dư khoản cho vay bao gồm khoản cho vay ký quỹ mã chứng khoán GAB với giá trị 114.411.857.455 đồng. ĐHCĐ và HĐQT đã có Nghị quyết về việc đánh giá các khoản này chưa có khả năng thu hồi và thực hiện trích lập dự phòng 100% giá trị từ năm 2022. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi không thực hiện được các thủ tục đối chiếu xác nhận công nợ với các đối tượng liên quan nên không đánh giá được tính hiện hữu và hợp lý của số dư khoản cho vay này tại ngày 31/12/2024 và 01/01/2024.

Liên quan đến Vụ án hình sự Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thao túng thị trường chứng khoán, cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán và Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ xảy ra tại Công ty CP Tập đoàn FLC và các đơn vị liên quan (“Vụ án”). Theo Ban an sơ thẩm số 426/2024/HS-S1 ngày 05/08/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS phải truy nộp số tiền hưởng lợi trái pháp luật từ hành vi thao túng thị trường chứng khoán là 42.471.521.663 đồng để bổ sung công quỹ nhà nước. Ngày 14/08/2024, Công ty đã gửi đơn kháng cáo đối với phần nội dung liên quan đến việc xác định khoản tiền thu lợi của Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị xét xử Vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Vụ án chưa được xét xử phúc thẩm nên Ban Quản trị Công ty vẫn đang theo dõi diễn biến vụ việc. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vụ việc này đến Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng cho công ty Chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 36 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính:

Tại ngày 31/12/2024, lỗ lũy kế của Công ty là 859.993.479.081 đồng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty có một số sự kiện liên quan tới sự thu hẹp hoạt động kinh doanh của Công ty. Nghĩa vụ tiềm tàng của Công ty theo Bản án sơ thẩm số 426/2024/HS-ST ngày 05/08/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội chưa được xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Tuy nhiên, Ban Quản trị Công ty khẳng định rằng, Công ty đang tập trung giải quyết các vấn đề liên quan để Công ty có thể hoạt động bình thường, tình hình tài chính hiện tại Công ty hoàn toàn có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ, do đó Báo cáo tài chính kèm theo vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:
0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2025

Nguyễn Văn Hải

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:
1395-2023-112-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		84.172.738.968	105.212.369.507
TÀI SẢN TÀI CHÍNH	110		79.787.949.569	101.169.548.968
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	69.180.275.214	32.786.219.450
<i>Tiền</i>	<i>111.1</i>		<i>69.180.275.214</i>	<i>32.786.219.450</i>
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7	9.197.336.236	9.754.434.130
Các khoản cho vay	114	8	114.411.857.455	114.970.096.518
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	9	(114.411.857.455)	(114.411.857.455)
Các khoản phải thu	117	10	-	36.885.528
<i>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính</i>	<i>117.2</i>		<i>-</i>	<i>36.885.528</i>
Trả trước cho người bán	118	10	711.919.019	1.734.422.872
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	10	29.414.601.830	29.337.205.468
Các khoản phải thu khác	122	10	531.326.222.464	587.004.547.651
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	11	(560.042.405.194)	(560.042.405.194)
TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	130		4.384.789.399	4.042.820.539
Tạm ứng	131		680.000.000	548.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	12	342.715.125	222.260.320
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	13	405.514.055	316.000.000
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136	18	2.956.560.219	2.956.560.219
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		52.199.741.658	55.126.190.967
Tài sản cố định	220		32.844.094.986	35.997.865.214
Tài sản cố định hữu hình	221	16	12.441.827.094	13.038.433.518
- Nguyên giá	222		28.909.900.175	28.909.900.175
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(16.468.073.081)	(15.871.466.657)
Tài sản cố định vô hình	227	14	20.402.267.892	22.959.431.696
- Nguyên giá	228		46.069.083.106	46.069.083.106
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(25.666.815.214)	(23.109.651.410)
Tài sản dài hạn khác	250		19.355.646.672	19.128.325.753
Chi phí trả trước dài hạn	252	12	34.796.772	50.344.795
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	15	19.320.849.900	19.077.980.958
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		136.372.480.626	160.338.560.474

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		4.833.380.144	7.835.394.104
Nợ phải trả ngắn hạn	310		4.833.380.144	7.835.394.104
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	17	1.098.166.452	1.104.400.657
Phải trả người bán ngắn hạn	320		1.245.472.526	695.548.097
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		110.000.000	477.500.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	18	57.185.494	96.252.982
Phải trả người lao động	323		743.841.416	1.409.718.607
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		84.653.885	49.529.035
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	19	280.195.942	2.788.827.297
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		276.743.092	276.496.092
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		937.121.337	937.121.337
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		131.539.100.482	152.503.166.370
Vốn chủ sở hữu	410	20	131.539.100.482	152.503.166.370
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		969.530.383.997	969.530.383.997
Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		969.225.090.000	969.225.090.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		969.225.090.000	969.225.090.000
Thặng dư vốn cổ phần	411.2		(219.330.000)	(219.330.000)
Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		524.623.997	524.623.997
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		10.724.210.951	10.724.210.951
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		11.263.566.694	11.263.566.694
Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		14.417.921	14.417.921
Lợi nhuận chưa phân phối	417		(859.993.479.081)	(839.029.413.193)
Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		(572.266.253.133)	(551.535.916.123)
Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(287.727.225.948)	(287.493.497.070)
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		136.372.480.626	160.338.560.474

Bàn Hà Trang
Người lập biểu

Lê Thị Thương
Kế toán trưởng



Lê Thị Trúc Quỳnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2025

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
			VND	VND
TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
Cổ phiếu đang lưu hành	006		96.922.509	96.922.509
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	21	20.805.560.000	20.921.370.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009	22	81.110.820.000	81.110.820.000
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	23	49.050.050.000	49.050.050.000
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	24	1.271.361.110.000	1.259.218.790.000
<i>Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>021.1</i>		<i>314.101.130.000</i>	<i>302.003.200.000</i>
<i>Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>021.2</i>		<i>4.041.000.000</i>	<i>4.041.000.000</i>
<i>Tài sản tài chính giao dịch cầm cố</i>	<i>021.3</i>		<i>8.000.000.000</i>	<i>8.000.000.000</i>
<i>Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ</i>	<i>021.4</i>		<i>944.068.980.000</i>	<i>944.068.980.000</i>
<i>Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>	<i>021.5</i>		<i>1.150.000.000</i>	<i>1.105.610.000</i>
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	25	27.750.680.000	28.056.360.000
<i>Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	<i>022.1</i>		<i>27.750.680.000</i>	<i>28.056.360.000</i>
Tiền gửi của khách hàng	026	26	20.546.914.970	78.633.745.505
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		17.886.424.258	75.199.909.381
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		2.660.490.712	3.433.836.124
<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>029.1</i>		<i>2.660.490.712</i>	<i>3.433.836.124</i>
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	27	20.545.933.086	23.166.737.584
<i>Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>031.1</i>		<i>20.545.933.086</i>	<i>23.166.737.584</i>
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		14.290.640	14.290.640




Bàn Hà Trang
Người lập biểu



Lê Thị Thương
Kế toán trưởng




Lê Thị Trúc Quỳnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		135.054.021 ✓	69.075.440
<i>Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.1</i>	<i>35</i>	<i>36.736.553 ✓</i>	<i>-</i>
<i>Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.2</i>		<i>96.412.939 ✓</i>	<i>65.350.690</i>
<i>Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.3</i>	<i>28</i>	<i>1.904.529 ✓</i>	<i>3.724.750</i>
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	28	4.596.264 ✓	2.355.430.425
Doanh thu môi giới chứng khoán	06		148.044.770 ✓	909.135.140
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		141.308.673 ✓	214.769.493
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		381.590.908	-
Cộng doanh thu hoạt động	20		810.594.636 ✓	3.548.410.498 ✓
Chi phí hoạt động				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		407.074.546 ✓	225.353.673
<i>Lỗ bán các tài sản tài chính</i>	<i>21.1</i>	<i>35</i>	<i>76.932.729</i>	<i>-</i>
<i>Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>	<i>21.2</i>		<i>330.141.817</i>	<i>225.353.673</i>
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	29	5.141.632.103 ✓	6.537.965.689
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	29	486.591.617	511.534.527
Cộng chi phí hoạt động	40		6.035.298.266 ✓	7.274.853.889
Doanh thu hoạt động tài chính				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong năm	42	30	1.264.950.637 ✓	1.091.574.641
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		1.264.950.637 ✓	1.091.574.641
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	62	31	15.737.624.911 ✓	15.533.899.506
Kết quả hoạt động	70		(19.697.377.904)	(18.168.768.256) ✓

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập khác	71		112.016	149.935.533
Chi phí khác	72	32	1.266.800.000	204.188
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(1.266.687.984)	149.731.345
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	90		(20.964.065.888)	(18.019.036.911)
Lợi nhuận đã thực hiện	91		(20.730.337.010)	(17.859.033.928)
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(233.728.878)	(160.002.983)
Chi phí thuế TNDN	100		-	1.375.000
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		-	1.375.000
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán sau thuế TNDN	200		(20.964.065.888)	(18.020.411.911)
Thu nhập thuần trên cổ phiếu phổ thông	500		(216)	(186)
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501	33	(216)	(186)

Bàn Hà Trang
Người lập biểu

Lê Thị Thương
Kế toán trưởng



Lê Thị Trúc Quỳnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01		-	(50.220.656.623)
Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		56.543.720.487	37.947.251.335
Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03		-	(277.082.607)
Cổ tức đã nhận	04		1.904.529	3.724.750
Tiền lãi đã thu	05		1.063.563.487	2.793.396.198
Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(6.508.932.903)	(7.460.817.068)
Tiền chi trả cho người lao động	08		(10.172.937.944)	(8.869.399.929)
Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09		(1.297.479.033)	(1.127.546.719)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		3.147.648.508	24.093.916.723
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(4.714.528.209)	(25.964.302.960)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		38.062.958.922	(29.081.516.900)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và	21		(1.668.903.158)	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và			-	160.000.000
các tài sản khác	22			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.668.903.158)	160.000.000
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	50		36.394.055.764	(28.921.516.900)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		32.786.219.450	61.707.736.350
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	5	69.180.275.214	32.786.219.450

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		66.912.382.700	165.588.928.091
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(128.023.270.758)	(238.748.561.402)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán	07		1.453.021.402	102.896.122.584
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	09		(64.839.914)	(123.503.435)
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	12		1.956.642.035	-
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	13		(320.766.000)	-
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	20		(58.086.830.535)	29.612.985.838
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30		78.633.745.505	49.020.759.667
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		78.633.745.505	49.020.759.667
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		75.199.909.381	47.861.086.397
Trong đó có kỳ hạn				
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	33		3.433.836.124	1.159.673.270
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	40		20.546.914.970	78.633.745.505
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		20.546.914.970	78.633.745.505
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		17.886.424.258	75.199.909.381
Trong đó có kỳ hạn				
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		2.660.490.712	3.433.836.124

Bàn Hà Trang
Người lập biểu

Lê Thị Thương
Kế toán trưởng



Lê Thị Trúc Quỳnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chi tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm	
	Tại 01/01/2023		Năm 2023		Năm 2024	
	Tại 01/01/2023	Tại 01/01/2024	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
A	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Biến động vốn chủ sở hữu	1	2	3	4	5	6
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	170.523.578.281	152.503.166.370	-	(18.020.411.911)	-	(20.964.065.888)
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	969.530.383.997	969.530.383.997	-	-	-	-
- Thẻ nợ vốn cổ phần	969.225.090.000	969.225.090.000	-	-	-	-
- Vốn khác của chủ sở hữu	(219.330.000)	(219.330.000)	-	-	-	-
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	524.623.997	524.623.997	-	-	-	-
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	10.724.210.951	10.724.210.951	-	-	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.263.566.694	11.263.566.694	-	-	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	14.417.921	14.417.921	-	-	-	-
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	(821.009.001.282)	(839.029.413.193)	-	(18.020.411.911)	-	(20.964.065.888)
- Lợi nhuận chưa thực hiện	(533.675.507.195)	(551.535.916.123)	-	(17.860.408.928)	-	(20.730.337.010)
Cộng	(287.333.494.087)	(287.493.497.070)	-	(160.002.983)	-	(233.728.878)
	170.523.578.281	152.503.166.370	-	(18.020.411.911)	-	(20.964.065.888)

[Signature]

Bàn Hà Trang
Người lập biểu

[Signature]

Lê Thị Thương
Kế toán trưởng



Lê Thị Trúc Quỳnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS (“Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK-GP ngày 03 tháng 03 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh cấp bởi ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gần nhất số 0102669368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2023. Vốn điều lệ của Công ty là 969.225.090.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 34 người (tại ngày 01/01/2024 là 31 người).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 25 Tòa nhà văn phòng 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính trong năm của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Hạn chế đầu tư

Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành:

1. Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
2. Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
3. Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
4. Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - c) Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - d) Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - e) Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)

g) Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL được ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) phù hợp với Chuẩn mực kế toán. Chế độ Kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Đơn vị tiền tệ

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam “VND” và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 “Trình bày Báo cáo tài chính”.

HÌNH THỨC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD

Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD phản ánh các khoản tiền đặt cọc của nhà đầu tư cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán phái sinh. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong số các điều kiện sau:

(i) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu do mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

(ii) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào các tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK mua vào: Cơ sở ghi nhận tăng/giảm số lượng và giá trị chứng khoán FVTPL mua trong Danh mục tài sản tài chính của CTCK được tính tại ngày T+0.

Cuối kỳ kế toán phải đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

- Đối với các tài sản tài chính FVTPL niêm yết/đăng ký giao dịch, giá thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất.
- Đối với các tài sản tài chính FVTPL không niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán hoặc các tài sản bị hủy niêm yết/đình chỉ giao dịch, Công ty không thu thập được giá thị trường, Công ty đang ghi nhận giá trị các tài sản trên theo giá sổ sách theo Báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư. Trường hợp không thu thập được Báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư thì Công ty tạm thời dự phòng 100% giá trị trên nguyên tắc thận trọng.

Giá xuất của các tài sản tài chính này ghi nhận thông qua lãi/lỗ xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động;
- Các khoản được Công ty phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được thực hiện bao gồm hợp đồng giao dịch ký quỹ và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Kết thúc kỳ kế toán, Công ty phải đánh giá dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp đảm bảo đối với khoản cho vay của CTCK theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Các khoản phải thu và dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong năm đều được theo dõi tại chi tiêu "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính (theo năm), cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	02 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất và các chương trình phần mềm, được quản lý, sử dụng. Tỷ lệ hao mòn được xác định theo phương đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, không thấp hơn 4 năm và không cao hơn 50 năm.

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Là số tiền Công ty nộp cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán với khoản đóng góp cố định ban đầu là 120 triệu đồng và khoản đóng hàng năm được xác định bằng 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các SGD Chứng khoán được thanh toán qua thành viên lưu ký của năm liền trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền phải trả các tổ chức cung cấp các dịch vụ mua bán các tài sản tài chính của Công ty hoặc của khách hàng qua Sở Giao dịch Chứng khoán và Công ty với tư cách là thành viên; hoặc với các đại lý tham gia phát hành chứng khoán cho tổ chức phát hành chứng khoán liên quan đến nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán của Công ty.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông sau khi được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;*
- *Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;*
- *Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;*
- *Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.*

Trong đó:

• Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán:

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

• Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:

Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các khoản chênh lệch giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra; Khoản thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu, tiền lãi phát sinh các khoản tiền gửi cố định thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL; Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL.

• Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính HTM mà Công ty được nhận (lãi trái phiếu, lãi tiền gửi có kỳ hạn).

• Lãi từ các khoản cho vay và phải thu:

Lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật.

• Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính:

Là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật. Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

• Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng và phí quản lý sổ cổ đông.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Tất cả các giao dịch và số dư với bên liên quan trong năm được Công ty trình bày tại Thuyết minh số 35.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	15.756.947	6.655.701
Tiền gửi ngân hàng	68.880.159.125	32.778.011.034
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	284.359.142	1.552.715
Cộng	69.180.275.214	32.786.219.450

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
	CP	VND
Năm 2024		
Của Công ty chứng khoán	11.646	323.369.016
- Cổ phiếu	11.646	323.369.016
Của nhà đầu tư	9.724.071	65.480.845.180
- Cổ phiếu	9.724.071	65.480.845.180
Cộng	9.735.717	65.804.214.196
	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
	CP	VND
Năm 2023		
Của Công ty chứng khoán	-	-
- Cổ phiếu	-	-
Của nhà đầu tư	87.305.075	442.772.948.120
- Cổ phiếu	87.305.075	442.772.948.120
Cộng	87.305.075	442.772.948.120

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL)

Giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Chi tiêu	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
+ <i>Cổ phiếu niêm yết</i>	87.209.212.298	9.184.972.019	87.532.581.314	9.742.069.913
KLF	7.772.814.914	707.088.800	7.772.814.914	707.088.800
GAB	74.838.000.000	7.382.546.719	74.838.000.000	7.699.839.783
HAI	2.972.658.445	390.073.500	2.972.658.445	390.073.500
FLC	1.621.887.743	704.053.000	1.621.887.743	704.053.000
Khác	3.851.196	1.210.000	327.220.212	241.014.830
+ <i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	209.715.349.886	12.364.217	209.715.349.886	12.364.217
FCA	136.600.000.000	-	136.600.000.000	-
FIHH	72.999.000.000	-	72.999.000.000	-
ITASCO	110.000.000	12.364.217	110.000.000	12.364.217
Khác	6.349.886	-	6.349.886	-
Cộng	296.924.562.184	9.197.336.236	297.247.931.200	9.754.434.130

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BOS

Tầng 25 Tòa nhà Văn phòng 265 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL) (TIẾP)****Bảng tình hình biến động giá thị trường hoặc giá trị tài sản tài chính (FVTPL)**

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2024					
	Giá mua VND	Giá trị thị trường VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch đánh giá năm nay Chênh lệch giảm VND	Chênh lệch đánh giá lại năm trước VND	Giá trị đánh giá lại VND
+ Cổ phiếu niêm yết	87.209.212.298	9.184.972.019	96.412.939	330.141.817	(77.790.511.401)	9.184.972.019
- KLF	7.772.814.914	707.088.800	-	-	(7.065.726.114)	707.088.800
- GAB	74.838.000.000	7.382.546.719	-	317.293.064	(67.138.160.217)	7.382.546.719
- HAI	2.972.658.445	390.073.500	-	-	(2.582.584.945)	390.073.500
- FLC	1.621.887.743	704.053.000	-	-	(917.834.743)	704.053.000
- Khác	3.851.196	1.210.000	96.412.939	12.848.753	(86.205.382)	1.210.000
+ Cổ phiếu chưa niêm yết	209.715.349.886	12.364.217	-	-	(209.702.985.669)	12.364.217
- FCA (*)	136.600.000.000	-	-	-	(136.600.000.000)	-
- FHH (*)	72.999.000.000	-	-	-	(72.999.000.000)	-
- ITASCO	110.000.000	12.364.217	-	-	(97.635.783)	12.364.217
- Khác	6.349.886	-	-	-	(6.349.886)	-
Cộng	296.924.562.184	9.197.336.236	96.412.939	330.141.817	(287.493.497.070)	9.197.336.236

(*) Khoản đầu tư vào các Công ty là bên liên quan với Công ty (tại thời điểm đầu tư). Do không thu thập được Báo cáo tài chính của các đơn vị này nên Công ty đã trích lập dự phòng 100% giá trị từ năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. CÁC KHOẢN CHO VAY

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Các khoản cho vay và phải thu				
+ Cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư (Margin) (*)	114.411.857.455	-	114.970.096.518	558.239.063
Cộng	114.411.857.455	-	114.970.096.518	558.239.063

(*) Bao gồm khoản cho vay margin mã chứng khoán GAB với giá trị 114.411.857.455 đồng đã được trích lập 100% giá trị theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2023 số 02/2023/NQ-DHĐCĐ-BOS ngày 09/10/2023 vào Báo cáo tài chính năm 2022.

9. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN THẾ CHẤP

Chỉ tiêu	Cơ sở lập dự phòng tại 31/12/2024			Giá trị lập dự phòng tại 31/12/2023	Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm nay
	Giá trị sổ sách	Giá trị hợp lý	Giá trị lập dự phòng		
Các khoản cho vay	114.411.857.455	-	114.411.857.455	114.411.857.455	-
Cho vay Margin	114.411.857.455	-	114.411.857.455	114.411.857.455	-

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các	-	36.885.528
· Dự thu tiền lãi nghiệp vụ cho vay ký quỹ	-	36.885.528
Trả trước cho người bán	711.919.019	1.734.422.872
Trả trước cho người bán khác	711.919.019	1.734.422.872
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	29.414.601.830	29.337.205.468
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.281.638	3.109.035
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp	268.255.000	265.500.000
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	266.604.672	190.135.913
· Phải thu dịch vụ khác	28.878.460.520	28.878.460.520
Phải thu khác	531.326.222.464	587.004.547.651
HĐTG tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (1)	467.155.415.291	467.155.415.291
· Phải thu tiền đặt cọc (2)	63.500.000.000	63.500.000.000
Phải thu khác của NĐT	-	55.461.299.527
Phải thu khác	670.807.173	887.832.833
Cộng	561.452.743.313	618.113.061.519

(1) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải (MSB) nhưng MSB tự thu giữ và chưa giải thích đầy đủ nguyên nhân cho Công ty. Khoản này đã được trích lập dự phòng 100% giá trị vào Báo cáo tài chính năm 2022 theo Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2023 số 02/2023/NQ-DHĐCĐ-BOS ngày 09/10/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)

- (2) Là khoản đặt cọc theo 03 hợp đồng đặt cọc mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp lực - UNICAP với các đơn vị có liên quan đến các cá nhân bị khởi tố theo vụ án thao túng thị trường chứng khoán mà các cá nhân này đang là đại diện pháp luật (Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị và xây dựng Đô Thành Hà Nội, Công ty TNHH Đầu tư và phát triển IMR, Công ty TNHH Đầu tư thương mại và XNK Tâm An). Khoản này đã được trích lập dự phòng 100% giá trị vào Báo cáo tài chính năm 2022 theo Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2023 số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ-BOS ngày 09/10/2023.

11. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi VND	Năm 2024			
		Số trích lập trong năm VND	Số hoàn nhập trong năm VND	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
				VND	VND
1. Dự phòng phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	29.296.702.403	-	-	29.296.702.403	29.296.702.403
- Đặng Thị Hoàn	1.985.767.855	-	-	1.985.767.855	1.985.767.855
- Đặng Thị Hồng Hà	1.802.130.395	-	-	1.802.130.395	1.802.130.395
- Đinh Thị Kim Thúy	1.128.657.078	-	-	1.128.657.078	1.128.657.078
- Mai Đức Nam	2.392.082.423	-	-	2.392.082.423	2.392.082.423
- Nguyễn Thị Cẩm Tú	3.245.015.924	-	-	3.245.015.924	3.245.015.924
- Nguyễn Thị Nga	1.744.423.468	-	-	1.744.423.468	1.744.423.468
- Nguyễn Trà My	2.444.898.378	-	-	2.444.898.378	2.444.898.378
- Nguyễn Tuấn Anh	3.167.341.425	-	-	3.167.341.425	3.167.341.425
- Võ Trọng Hiếu	2.791.041.936	-	-	2.791.041.936	2.791.041.936
- Các đối tượng khác	8.595.343.521	-	-	8.595.343.521	8.595.343.521
2. Dự phòng các khoản trả trước cho nhà cung cấp	90.287.500	-	-	90.287.500	90.287.500
- Báo Thái Nguyên	3.000.000	-	-	3.000.000	3.000.000
- Công ty Cổ phần phần mềm OOS	20.000.000	-	-	20.000.000	20.000.000
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Du lịch Việt Mỹ	25.200.000	-	-	25.200.000	25.200.000
- Công ty TNHH Tích hợp hệ thống quản lý Quốc tế	42.087.500	-	-	42.087.500	42.087.500
3. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu khác	530.655.415.291	-	-	530.655.415.291	530.655.415.291
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Tâm An	26.000.000.000	-	-	26.000.000.000	26.000.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển IMR	17.500.000.000	-	-	17.500.000.000	17.500.000.000
- CTCP Vật tư thiết bị và Xây dựng Đô Thành Hà Nội	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	467.155.415.291	-	-	467.155.415.291	467.155.415.291
Cộng	560.042.405.194	-	-	560.042.405.194	560.042.405.194

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	342.715.125	222.260.320
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	342.715.125	222.260.320
Chi phí trả trước dài hạn	34.796.772	50.344.795
Chi phí trả trước dài hạn khác	34.796.772	50.344.795
Cộng	377.511.897	272.605.115

13. CẦM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	379.514.055	316.000.000
Đặt cọc khác	26.000.000	-
Cộng	405.514.055	316.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2024	21.054.563.158	23.579.737.400	1.434.782.548	46.069.083.106
Tại 31/12/2024	<u>21.054.563.158</u>	<u>23.579.737.400</u>	<u>1.434.782.548</u>	<u>46.069.083.106</u>
HAO MÒN LUỸ KẾ				
Tại 01/01/2024	125.931.190	21.548.937.672	1.434.782.548	23.109.651.410
Khấu hao trong năm	526.364.076	2.030.799.728	-	2.557.163.804
Tại 31/12/2024	<u>652.295.266</u>	<u>23.579.737.400</u>	<u>1.434.782.548</u>	<u>25.666.815.214</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2024	<u>20.928.631.968</u>	<u>2.030.799.728</u>	<u>-</u>	<u>22.959.431.696</u>
Tại 31/12/2024	<u>20.402.267.892</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>20.402.267.892</u>

Tại ngày 31/12/2024:

- Tổng nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 14.476.981.199 VND.
- Tổng nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng không sử dụng là 6.894.449.216 VND.

15. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	13.231.150.736	13.186.692.520
Tiền lãi phân bổ hàng năm	5.969.699.164	5.771.288.438
Cộng	<u>19.320.849.900</u>	<u>19.077.980.958</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BOS

Tầng 25 Tòa nhà Văn phòng 265 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2024	12.323.500.000	15.026.516.175	1.442.640.000	117.244.000	28.909.900.175
Tại 31/12/2024	12.323.500.000	15.026.516.175	1.442.640.000	117.244.000	28.909.900.175
HAO MÒN LUY KẾ					
Tại 01/01/2024	73.709.106	14.858.609.484	821.904.067	117.244.000	15.871.466.657
Khấu hao trong năm	308.087.496	144.254.928	144.264.000		596.606.424
Tại 31/12/2024	381.796.602	15.002.864.412	966.168.067	117.244.000	16.468.073.081
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2024	12.397.209.106	167.906.691	620.735.933	-	13.038.433.518
Tại 31/12/2024	11.941.703.398	23.651.763	476.471.933	-	12.441.827.094

Tại ngày 31/12/2024:

- Tổng nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 14.791.821.775 VND.
- Tổng nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng không sử dụng là 3.512.907.659 VND.

12

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	905.271	2.598.941
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)	42.522.591	39.373.537
Phải trả giao dịch mua chứng khoán	1.035.163.500	1.035.163.500
Phải trả hoa hồng CTV	5.284.450	7.265.645
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	14.290.640	19.999.034
Cộng	1.098.166.452	1.104.400.657

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại 31/12/2024 VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	41.307.540	41.307.540	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.956.560.219)	11.500.000	11.500.000	(2.956.560.219)
- Thuế thu nhập cá nhân	96.252.982	1.205.378.109	1.244.445.597	57.185.494
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	(2.860.307.237)	1.208.378.109	1.247.445.597	(2.899.374.725)
<i>Trong đó:</i>				
- Phải nộp	96.252.982			57.185.494
- Phải thu	2.956.560.219			2.956.560.219

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Tạm tăng Biệt thự BT34-04	-	1.668.903.158
Các đối tượng khác	280.195.942	1.119.924.139
Cộng	280.195.942	2.788.827.297

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÚNG KHOÁN BOS

Tầng 25 Tòa nhà Văn phòng 265 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Bảng biến động vốn Chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư	Thặng dư vốn	Vốn khác của	Quỹ dự trữ bổ sung	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế	Tổng cộng
	của chủ sở hữu	cổ phần	chủ sở hữu	vốn điều lệ	và rủi ro nghiệp vụ	thuộc VCSH	chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	969.225.090.000	(219.330.000)	524.623.997	10.724.210.951	11.263.566.694	14.417.921	(821.009.001.282)	170.523.578.281
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	(18.020.411.911)	(18.020.411.911)
31/12/2023	969.225.090.000	(219.330.000)	524.623.997	10.724.210.951	11.263.566.694	14.417.921	(839.029.413.193)	152.503.166.370
01/01/2024	969.225.090.000	(219.330.000)	524.623.997	10.724.210.951	11.263.566.694	14.417.921	(839.029.413.193)	152.503.166.370
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	(20.964.065.888)	(20.964.065.888)
31/12/2024	969.225.090.000	(219.330.000)	524.623.997	10.724.210.951	11.263.566.694	14.417.921	(859.993.479.081)	131.539.100.482

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Chi tiết về vốn chủ sở hữu

Cổ đông	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Số vốn thực góp	Tỷ lệ	Số vốn thực góp	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Bà La Mỹ Phượng	58.399.000.000	6,03%	58.399.000.000	6,03%
Các cổ đông khác	910.826.090.000	93,97%	910.826.090.000	93,97%
Cộng	969.225.090.000	100,00%	969.225.090.000	100,00%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	969.225.090.000	969.225.090.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	969.225.090.000	969.225.090.000

Tình hình phát hành cổ phiếu:

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	96.922.509	96.922.509
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	96.922.509	96.922.509
+ Cổ phiếu phổ thông	96.922.509	96.922.509
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	96.922.509	96.922.509
+ Cổ phiếu phổ thông	96.922.509	96.922.509
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CTCK

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	20.805.560.000	20.921.370.000
Cộng	20.805.560.000	20.921.370.000

22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CTCK

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	81.110.820.000	81.110.820.000
Cộng	81.110.820.000	81.110.820.000

23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CTCK

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa niêm yết/ đăng ký giao dịch mà tổ chức phát hành đã đăng ký chứng khoán tại VSD nhưng CTCK chưa lưu ký tại VSD	49.050.050.000	49.050.050.000
Cộng	49.050.050.000	49.050.050.000

24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	314.101.130.000	302.003.200.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	4.041.000.000	4.041.000.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	8.000.000.000	8.000.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ (*)	944.068.980.000	944.068.980.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	1.150.000.000	1.105.610.000
Cộng	1.271.361.110.000	1.259.218.790.000

(*) Tại ngày 31/12/2024, trong đó:

- Mã FLC:	811.973.590.000 đồng
- Mã GAB:	85.112.000.000 đồng
- Mã ART:	36.560.000.000 đồng
- Mã ROS:	10.142.980.000 đồng
- Mã AMD:	48.000.000 đồng
- Mã KLF:	23.120.000 đồng
- Mã HAI:	300.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	27.750.680.000	28.056.360.000
Cộng	27.750.680.000	28.056.360.000

26. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	17.886.424.258	75.199.909.381
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	2.660.490.712	3.433.836.124
Cộng	20.546.914.970	78.633.745.505

27. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ VỀ TIỀN GỬI GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THEO PHƯƠNG THỨC CTCK QUẢN LÝ

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	20.545.933.086	23.166.737.584
Cộng	20.545.933.086	23.166.737.584

28. CỔ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ FVTPL, CÁC KHOẢN CHO VAY, HTM, AFS

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL (cổ tức cổ phiếu)	1.904.529	3.724.750
Từ tài sản tài chính HTM (lãi phân bổ)	-	-
Từ các khoản cho vay (lãi cho vay)	4.596.264	2.355.430.425
Cộng	6.500.793	2.359.155.175

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	5.141.632.103	6.537.965.689
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	486.591.617	511.534.527
Cộng	5.628.223.720	7.049.500.216

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.264.950.637	1.091.574.641
Cộng	1.264.950.637	1.091.574.641

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	10.640.945.448	9.809.457.619
Chi phí vật tư văn phòng	24.273.338	57.959.042
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.122.970.500	997.913.460
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.814.713.877	4.591.438.432
Chi phí bằng tiền khác	131.721.748	74.130.953
Cộng	15.737.624.911	15.533.899.506

32. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tiền phạt vi phạm hành chính	1.266.500.000	-
Chi phí khác	300.000	204.188
Cộng	1.266.800.000	204.188

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ	(20.964.065.888)	(18.020.411.911)
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành	96.922.509	96.922.509
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(216)	(186)

34. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty đã thực hiện theo dõi doanh thu và chi phí theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh chính. Tuy nhiên, các khoản chi phí khác trong kỳ không tách riêng được. Do đó, Công ty không trình bày thông tin báo cáo theo bộ phận và cho rằng việc không trình bày nội dung này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các khoản lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị trong năm như sau:

		Năm 2024	Năm 2023
	Chức danh	VND	VND
Thu nhập Ban Tổng giám đốc		1.194.000.000	625.625.000
Ông Nguyễn Thành Lê	Tổng Giám đốc	1.194.000.000	625.625.000
Thù lao Hội đồng Quản trị		1.426.666.668	1.228.266.836
Bà Phạm Thị Thanh Mai	Chủ tịch HĐQT	-	73.333.333
Bà Lê Thị Trúc Quỳnh	Chủ tịch HĐQT	1.066.666.668	842.592.594
Ông Lê Bá Phương	Thành viên HĐQT	-	49.500.000
Ông Trịnh Văn Nam	Thành viên HĐQT	-	90.000.000
Ông Nguyễn Thanh Cẩm	Thành viên HĐQT	180.000.000	131.250.000
Ông Nguyễn Thành Lê	Thành viên HĐQT	180.000.000	41.590.909
Cộng		2.620.666.668	1.853.891.836

Ngoài các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các bên liên quan khác với Công ty:

TT	Công ty	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Phát triển Bất động sản FLCHomes	Bên liên quan với thành viên HĐQT
2	Công ty Cổ phần Hàng Không Tre Việt	Bên liên quan với Chủ tịch HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	110.000.000	-
- Công ty Cổ phần Hàng Không Tre Việt	110.000.000	-

Số dư với các bên liên quan

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	50.755.000	-
- Công ty Cổ phần Hàng Không Tre Việt	50.755.000	-
Giá mua chứng khoán còn nắm giữ	72.999.000.000	72.999.000.000
- CTCP Đầu tư kinh doanh Phát triển Bất động sản FLCHOMES	72.999.000.000	72.999.000.000

36. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tại thời điểm 31/12/2024, lỗ lũy kế của Công ty là 859.993.479.081 đồng, hoạt động của Công ty cũng đang bị thu hẹp, các nghĩa vụ tiềm tàng của Công ty theo Bản án sơ thẩm số 426/2024/HS-ST ngày 05/08/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội chưa được xét xử theo thủ tục phúc thẩm (Xem thêm thuyết minh số 37). Ban Quản trị Công ty khẳng định rằng, Công ty đang tập trung giải quyết các vấn đề liên quan để Công ty có thể hoạt động bình thường, tình hình tài chính hiện tại Công ty hoàn toàn có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ, do đó Báo cáo tài chính kèm theo vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

37. THÔNG TIN KHÁC

Vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thao túng thị trường chứng khoán

Công ty đang có liên quan đến Vụ án hình sự Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thao túng thị trường chứng khoán, cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán và Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ xảy ra tại Công ty CP Tập đoàn FLC và các đơn vị liên quan ("Vụ án"). Ngày 28/06/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã ra Quyết định đưa ra xét xử sơ thẩm số 388/2024/QĐSXST-HS và Thông báo mở phiên tòa xét xử vụ án Trịnh Văn Quyết và các đồng phạm xảy ra tại Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC và các đơn vị liên quan vào ngày 22/07/2024. Ngày 05/08/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã công bố Bản án sơ thẩm số 426/2024/HS-ST, trong đó, Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS phải truy nộp số tiền hưởng lợi trái pháp luật từ hành vi thao túng thị trường chứng khoán là 42.471.521.663 đồng để bổ sung công quỹ nhà nước. Ngày 14/08/2024, Công ty đã gửi đơn kháng cáo đối với phần nội dung liên quan đến việc xác định khoản tiền thu lợi của Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị xét xử Vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đến thời điểm lập báo cáo này, Vụ án chưa được xét xử phúc thẩm nên Ban Quản trị Công ty vẫn đang theo dõi diễn biến vụ việc và sẽ thực hiện điều chỉnh theo phán quyết phúc thẩm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

Ngoài ra, trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 có một số khoản mục liên quan đến Vụ án trên, cụ thể như sau:

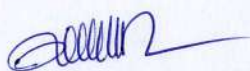
- ✓ Giá trị Công ty trực tiếp đầu tư vào các mã cổ phiếu liên quan đến Vụ án (FLC, GAB, ROS, HAI, KLF) tại ngày 31/12/2024 sau khi đã đánh giá lại là khoảng 9,2 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2024 là khoảng 9,5 tỷ đồng), theo giá gốc là khoảng 87,2 tỷ đồng;
- ✓ Số dư gốc cho vay ký quỹ tại ngày 01/01/2024 và 31/12/2024 mã GAB là 114,4 tỷ đồng.

Tình trạng kiểm soát, hoạt động hạn chế, rút bớt nghiệp vụ kinh doanh

- Theo Quyết định số 864/QĐ-SGDHN ngày 18/08/2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội: Cổ phiếu ART của Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS bị đình chỉ giao dịch từ ngày 25/08/2023 do vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin.
- Theo Quyết định số 70/QĐ-SGDVN ngày 18/08/2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam: Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS bị đình chỉ hoạt động mua chứng khoán trên thị trường chứng khoán niêm yết, thị trường đăng ký giao dịch và thị trường chứng khoán phái sinh tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ-BOS ngày 09/04/2024, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc: Rút nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán của Công ty (theo tờ trình số 06/2024/TTr-HĐQT-BOS ngày 05/04/2024). Ngày 16/04/2024, 20/06/2024 và 05/11/2024, Công ty đã gửi Giấy đề nghị điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán đề nghị rút nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Theo Quyết định số 549/QĐ-UBCK ngày 13/05/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước: Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh và Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán chứng khoán phái sinh đã cấp cho Công ty.
- Ngày 11/10/2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có Quyết định số 1118/QĐ-UBCK về việc đặt Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS vào tình trạng kiểm soát.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.



Bàn Hà Trang
Người lập biểu



Lê Thị Thương
Kế toán trưởng



Lê Thị Trúc Quỳnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2025